

TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN LANG  
KHOA: NGOẠI NGỮ

**THI KẾT THÚC HỌC PHẦN**  
**Học kỳ 1, năm học 2024-2025**

**I. Thông tin chung**

|                                                   |                                        |             |                                           |      |
|---------------------------------------------------|----------------------------------------|-------------|-------------------------------------------|------|
| Tên học phần:                                     | Độc Viết Tiếng Trung Trung Cấp 2       |             |                                           |      |
| Mã học phần:                                      | 71CHIN30163                            | Số tín chỉ: | 03                                        |      |
| Mã nhóm lớp học phần:                             | 241_71CHIN30163_01, 241_71CHIN30163_02 |             |                                           |      |
| Hình thức thi: <b>Trắc nghiệm kết hợp Tự luận</b> | Thời gian làm bài:                     |             | <b>90</b>                                 | phút |
| <b>Thí sinh được tham khảo tài liệu:</b>          | <input type="checkbox"/> Có            |             | <input checked="" type="checkbox"/> Không |      |

**II. Các yêu cầu của đề thi nhằm đáp ứng CLO**

| Ký hiệu CLO | Nội dung CLO                                                                                    | Hình thức đánh giá | Trọng số CLO trong thành phần đánh giá (%) | Câu hỏi thi số        | Điểm số tối đa | Lấy dữ liệu đo lường mức đạt PLO/PI |
|-------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------|--------------------------------------------|-----------------------|----------------|-------------------------------------|
| (1)         | (2)                                                                                             | (3)                | (4)                                        | (5)                   | (6)            | (7)                                 |
| <b>CLO1</b> | Lý giải chính xác ngữ nghĩa của các từ ngữ vào việc đọc hiểu đúng theo chủ đề đã học            | Trắc nghiệm        | 25%                                        | 1-25                  |                | PI 2.1                              |
| <b>CLO2</b> | Vận dụng chính xác các điểm ngữ pháp để vận dụng phù hợp trong đọc hiểu và viết đoạn văn        | Trắc nghiệm        | 25%                                        | 1-25                  |                | PI 2.1                              |
| <b>CLO3</b> | Tổng hợp những kiến thức đã học vào việc đọc hiểu các đoạn văn có độ dài từ ngắn đến trung bình | Trắc nghiệm        | 25%                                        | 20-25                 |                | PI 8.1                              |
| <b>CLO4</b> | Chọn lọc các cấu trúc ngữ pháp phù hợp vào việc viết câu hoặc viết đoạn văn theo chủ đề         | Tự luận            | 25%                                        | Sắp xếp câu, Viết văn |                | PI 8.1                              |

**PHẦN TRẮC NGHIỆM ( 5điểm)**

**I. 选词填空 Điền từ thích hợp vào chỗ trống**

**Câu 1:** 不管别人怎么说, \_\_\_\_\_ 你要对自己有信心才行。

- A. 首先
- B. 其次
- C. 最后
- D. 后来

ANSWER: A

**Câu 2:** 最近 10 年这个省经济增长很快, \_\_\_\_\_ 了很多人的关注。

- A. 引起
- B. 一起
- C. 起来
- D. 引气

ANSWER: A

**Câu 3:** 今天的演出非常精彩, 大家都 \_\_\_\_\_ 苦了, 早点儿回去休息吧。

- A. 辛
- B. 幸
- C. 亲
- D. 锌

ANSWER: A

**Câu 4:** 为了节约路费, 她选择坐火车去, 朋友提醒她早点出门, \_\_\_\_\_ 会赶不上火车。

- A. 否则
- B. 否定
- C. 否决
- D. 否认

ANSWER: A

**Câu 5:** 要真正了解一个人是 \_\_\_\_\_ 困难的。

- A. 极其
- B. 其次
- C. 极了
- D. 及其

ANSWER: A

**Câu 6:** \_\_\_\_\_ 天气原因, 飞往首都的航班改在 8 点半起飞。

- A. 由于
- B. 不管
- C. 尽管
- D. 于是

ANSWER: A

**Câu 7:** 爸爸工作太忙, \_\_\_\_\_ 周末也要加班。

- A. 甚至
- B. 基础

C. 至少

D. 至今

ANSWER: A

**Câu 8:** 今天有雨，天气预报说明天\_\_\_\_\_有雨。

A. 仍然

B. 然而

C. 既然

D. 突然

ANSWER: A

**Câu 9:** 我和他认识了很多年，\_\_\_\_\_很了解他的性格。

A. 因此

B. 原因

C. 因为

D. 如此

ANSWER: A

**Câu 10:** 武汉长江大桥是中国著名的旅游景点\_\_\_\_\_。

A. 之一

B. 甚至

C. 因为

D. 如此

ANSWER: A

## II. 排列句子的顺序 Sắp xếp thứ tự thích hợp của các câu

**Câu 11:**

1. 她是我的同学，从小就想成为一名警察

2. 现在她决定，一定要找一个警察做丈夫

3. 然而由于种种原因，她没能当上警察

A. 132

B. 321

C. 231

D. 312

ANSWER: A

**Câu 12:**

1. 不管在外面的世界遇到什么困难

2. 家永远是我们心中最安全的地方

3. 因为我们总是能够在家里找到爱和幸福

A. 123

B. 321

C. 231

D. 312

ANSWER: A

**Câu 13:**

1. 我打算毕业以后

2. 为将来自己做生意积累一些管理经验
3. 先在叔叔开的公司里干一段时间

A. 132  
B. 123  
C. 231  
D. 312

ANSWER: A

**Câu 14:**

1. 首先，你得会写文章或者报道
2. 你想将来当一名记者吗
3. 其次，你得有一个好的身体

A. 213  
B. 321  
C. 132  
D. 312

ANSWER: A

**Câu 15:**

1. 放弃并不代表认输，而是代表新的开始
2. 因此，为了获得更多
3. 需要主动丢掉一些不重要的东西

A. 123  
B. 321  
C. 231  
D. 132

ANSWER: A

**Câu 16:**

1. 过生日的顾客还可以免费获得一个水果蛋糕
2. 所有的食品都打八折
3. 那个超市正在举办活动

A. 321  
B. 213  
C. 132  
D. 312

ANSWER: A

**Câu 17:**

1. 手机的价格大大降低了
2. 随着科学技术的发展
3. 它也因此变得更流行、更普遍了

A. 213  
B. 123  
C. 231  
D. 132

ANSWER: A

**Câu 18:**

1. 王大夫今年已经 60 多岁了
2. 这跟他平时经常锻炼身体有很大关系

3. 可看上去要比他的实际年龄小很多

- A. 132
- B. 123
- C. 231
- D. 312

ANSWER: A

**Câu 19:**

1. 后来这成了一个笑话，大家经常拿来开玩笑
2. 飞机起飞时，我一直抱着前面的椅子不放
3. 我第一次乘坐飞机的时候心里害怕极了

- A. 321
- B. 213
- C. 231
- D. 312

ANSWER: A

**Câu 20:**

1. 这台笔记本电脑的价格是 2500 元
2. 而且上网速度也很快
3. 它的特点是很小、很轻

- A. 132
- B. 213
- C. 231
- D. 123

ANSWER: A

## PHẦN TỰ LUẬN ( 5 ĐIỂM)

### A. 连词成句 (2.5)

**Câu 21:** 裤子 / 有点儿 / 条 / 稍微 / 这 / 厚

**Câu 22:** 往往 / 更 / 被鼓励 / 有信心 / 的孩子 / 经常

**Câu 23:** 这棵树 / 已经 / 掉 / 叶子 / 的 / 光了

**Câu 24:** 飞机 / 的 / 被认为 / 是 / 交通工具 / 最安全

**Câu 25:** 妹妹 / 的 / 把爷爷 / 声音 / 弹钢琴 / 吵醒了

### B. 写作 (2.5)

Viết một đoạn văn ngắn bằng chữ Hán (tối thiểu 250 chữ) theo chủ đề cho sẵn với các yêu cầu sau:

Chủ đề: 介绍一下你对各种交通工具的看法。

Trong đoạn văn phải sử dụng các từ, cụm từ sau:

为了 / A 是 A, ..... / 堵车 / 保护 / 拥挤

## ĐÁP ÁN PHẦN TỰ LUẬN VÀ THANG ĐIỂM

| Phần câu hỏi          | Nội dung đáp án                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | Thang điểm | Ghi chú |
|-----------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|---------|
| <b>I. Trắc nghiệm</b> |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | <b>5.0</b> |         |
| Câu 1 – 20            | <b>ANSWER: A</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 0.25       |         |
| <b>II. Tự luận</b>    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | <b>5.0</b> |         |
| <b>A. 连词成句 (2.5)</b>  |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |            |         |
| <b>Câu 21</b>         | 这条裤子稍微有点儿厚。                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | <b>0.5</b> |         |
| <b>Câu 22</b>         | 经常被鼓励的孩子往往更有信心。                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | <b>0.5</b> |         |
| <b>Câu 23</b>         | 这棵树的叶子已经掉光了。                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | <b>0.5</b> |         |
| <b>Câu 24</b>         | 飞机被认为是最安全的交通工具。                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | <b>0.5</b> |         |
| <b>Câu 25</b>         | 妹妹弹钢琴的声音把爷爷吵醒了。                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | <b>0.5</b> |         |
| <b>Viết văn</b>       | <p>人的生活中处处离不开交通。无论是骑自行车、摩托车，还是开汽车或者散步都可以说是参加交通。随着人们生活水平的提高，买车的人越来越多，城市的交通也越来越拥挤，特别是上下班的时间，常常堵车。</p> <p>骑自行车可以锻炼身体，又可以保护环境，但是遇到刮风下雨的天气，骑车太辛苦了。打的很方便，但是有时候等了半天也打不到车，有时候司机还不想去容易堵车的地方。为了少花点钱，最好坐公共汽车。坐公共汽车很方便，每个城市都有很多公共汽车，车多是多，但是坐车的人实在太多了，如果遇到堵车，上学或者上班就会迟到。我有很多次上课迟到是因为堵车堵得很厉害。堵车真让人着急和生气。所以很多城市选择发展地铁，坐地铁比坐公共汽车或骑自行车都快得多，也比坐出租车便宜得多，还可以保证时间。</p> <p>越南的交通工具有公共汽车、摩托车、自行车、汽车、出租车、三轮车等。但是最普遍的是摩托车和汽车。因为这两种车很方便，去</p> | 2.5        |         |

|  |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |             |  |
|--|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|--|
|  | 哪儿都可以，也不用花很多时间。<br>如果你没有自己的交通工具，你可以坐公共汽车，很方便，价格也不贵。你出门的时候常选择哪种交通工具？                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |             |  |
|  | Thang điểm chấm đoạn văn:<br>1/ Nội dung viết đúng chủ đề: 0.5 đ<br>2/ Sử dụng 5 từ cho sẵn: 0.5 đ<br>3/ Đoạn văn có đủ 3 phần: mở bài - thân bài - kết luận: 0.5 đ<br>4/ Nội dung bài viết hay: 0.5 đ<br>5/ Đoạn văn tối thiểu 250 chữ: 0.5 đ<br><br>* Điểm trừ:<br>- Sai chính tả, 1 chữ trừ: 0.1đ<br>- Sai kết cấu câu, 1 câu trừ: 0.2đ<br>- Không sử dụng từ cho sẵn, mỗi chữ trừ: 0.2đ |             |  |
|  | <b>Điểm tổng</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | <b>10.0</b> |  |

TP. Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 10 năm 2024

Trưởng bộ môn



Mai Thu Hoài

Giảng viên ra đề



Lê Hoàng Ngọc Vy